

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu biến đổi chậm theo triều, khu vực nội đồng mực nước biến đổi chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước xuống chậm.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước ít biến đổi. Mực nước cao nhất ngày 02/6 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-25cm, cao hơn TBNN từ 10-25cm. Mực nước thấp nhất thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 15-45cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mực nước lên chậm theo triều, mực nước cao nhất ngày 02/6 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-10cm và cao hơn TBNN từ 20-35cm. Mực nước thấp nhất thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 10-25cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch biến đổi chậm, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 02/6 ở mức xấp xỉ cùng kỳ năm 2025, cao hơn TBNN từ 05-50cm.

- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô biến đổi chậm, đỉnh triều cao nhất ngày 02/6 ở mức 53cm, lên 03cm so với đỉnh triều ngày hôm trước.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh xuống chậm trong những ngày tới.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước trên các sông, kênh, rạch xuống theo triều trong 5 ngày tới.

- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước trên các kênh, rạch xuống chậm trong 5 ngày tới.

- Khu vực cửa sông: Đỉnh triều cao nhất ngày trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô biến đổi với xu thế giảm chậm.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Khả năng xuất hiện xâm nhập mặn trên khu vực cửa sông Cái Lớn-Cái Bé vào thời điểm triều cường.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ có khả năng ảnh hưởng đến sinh hoạt và hoạt động sản xuất người dân.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 04/6/2026

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Phan Minh Đạt

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch		Cấp báo động lũ			Giá trị ngày		So với		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III	02/6		01/06						03/6	04/6	05/6	06/6	07/6
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	116	1	▲	-17	▼	6	▲	115	113	109	105	102
					Hmin	-33	-7	▼	-25	▼	-46	▼	-37	-39	-42	-43	-39
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	126	1	▲	-4	▼	23	▲	124	121	117	112	109
					Hmin	-45	-3	▼	-15	▼	-17	▼	-49	-51	-54	-55	-51
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	120	1	▲	-23	▼	8	▲	121	121	120	117	113
					Hmin	26	0	◀▶	-37	▼	-16	▼	23	22	20	20	25
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	137	1	▲	-9	▼	24	▲	136	134	130	126	123
					Hmin	-30	-3	▼	-22	▼	-29	▼	-34	-36	-39	-40	-36
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	139	1	▲	-3	▼	34	▲	137	134	130	126	123
					Hmin	-46	-4	▼	-13	▼	-2	▼	-50	-52	-55	-56	-52
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	128	0	◀▶	-9	▼	20	▲	127	124	120	115	111
					Hmin	-43	-4	▼	-18	▼	-25	▼	-47	-49	-52	-53	-49
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	54	-2	▼	-7	▼	19	▲	52	50	48	46	43
					Hmin	32	-1	▼	2	▲	21	▲	30	28	26	24	21
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	55	0	◀▶	3	▲	27	▲	54	52	50	48	45
					Hmin	46	-3	▼	8	▲	24	▲	45	43	41	39	36
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	62	0	◀▶	2	▲	20	▲	61	59	58	56	53
					Hmin	53	-2	▼	7	▲	20	▲	52	50	50	48	45
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	61	1	▲	2	▲	22	▲	60	58	56	54	51
					Hmin	53	-2	▼	9	▲	23	▲	52	51	49	47	44
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	65	0	◀▶	2	▲	22	▲	64	62	60	58	55
					Hmin	58	-2	▼	10	▲	25	▲	57	55	54	52	49
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	57	-3	▼	-9	▼	20	▲	56	54	52	50	48
					Hmin	32	-2	▼	-1	▼	18	▲	31	29	27	25	23
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	80	-2	▼	-2	▼	44	▲	79	77	76	74	72
					Hmin	62	-4	▼	3	▲	37	▲	61	59	58	56	53
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	69	-2	▼	-6	▼	21	▲	68	66	65	63	61
					Hmin	59	0	◀▶	4	▲	25	▲	58	56	55	53	50
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	71	-2	▼	21	▲	49	▲	69	67	65	63	60
					Hmin	59	-3	▼	29	▲	45	▲	57	55	54	53	51
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	95	-2	▼	-3	▼	43	▲	93	91	89	87	83
					Hmin	74	-3	▼	1	▲	40	▲	72	69	66	63	59
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hạnh	190	230	270	Hmax	107	-2	▼	-7	▼	36	▲	105	103	100	97	93
					Hmin	59	-2	▼	-6	▼	23	▲	56	53	50	47	43
Rạch Giá-Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	Hmax	81	-2	▼	-7	▼	25	▲	80	78	75	72	68
					Hmin	54	-4	▼	-5	▼	18	▲	53	51	48	45	41
	Tân Thành	120	150	180	Hmax	72	-1	▼	-4	▼	18	▲	71	69	67	65	63
					Hmin	51	-3	▼	-4	▼	17	▲	50	48	46	43	40
Cái Sắn	Tân	90	120	150	Hmax	52	0	◀▶	-7	▼	17	▲	50	49	47	45	43

Cái Saut	Hiệp	90	120	150	Hmin	39	-3	▼	-3	▼	23	▲	39	37	35	32	29
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	37	-1	▼	4	▲	7	▲	29	27	25	22	23
					Hmin	-10	-3	▼	-11	▼	18	▲	-13	-15	-11	-4	-2
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	53	3	▲	16	▲	19	▲	51	49	45	41	36
					Hmin	-30	4	▲	-5	▼	7	▲	-33	-37	-36	-34	-28

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ◀ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





